

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 114/2020/HN-ST

Ngày: 28/12/2020

**“V/v *Xin ly hôn, nuôi con chung*”**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hòa Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Tám;

- Bà Lý Thị Bé Năm;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị Xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 ;

Địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bi đơn:** Võ Thị G, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T, bà G có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2016 đến nay ông bà không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải được.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Võ Thị G.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày

13/01/2000 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/4/2005. Cháu L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T hiện đang sống với mẹ, khi ly hôn bà G yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản hòa giải bà Võ Thị G trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Thanh T về thời gian chung sống với nhau, ông bà không có đăng ký kết hôn, về con chung bà thống nhất như trình bày của ông T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà G thấy không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông T xin được ly hôn với bà G. Tuy nhiên, ông, bà sống chung mà không có đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị là có cơ sở.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13/01/2000 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/4/2005. Cháu L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T hiện đang sống với mẹ, khi ly hôn bà G yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T, bà G.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng:*** Ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị G tự nguyện sống chung với nhau năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T, bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

***[2] Về nội dung:*** Tại đơn xin ly hôn và biên bản hòa giải ông T yêu cầu xin ly hôn với bà G, do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải

được.

Tại biên bản hòa giải bà Võ Thị G đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy, ông T, bà G chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông T, bà G là vợ chồng phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[3] Về con chung:** Ông T, bà G có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13/01/2000 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/4/2005. Cháu L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T hiện đang sống với bà G, khi ly hôn bà G yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Ông T, bà G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[6] Về án phí:** Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

- **Về tình cảm:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị G.

- **Về con chung:** Giao cho bà Võ Thị G tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/4/2005. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

**\* Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000938 ngày 13/10/2020.

Ông T, bà G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.c. THADS TX Cai Lậy ;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã Mỹ Hạnh Trung, TX Cai Lậy;.
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Hòa Hợp**

